

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bạch Nhạn

Ông Trần Giáp Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Mỹ N, Sinh ngày 03/8/1992. Số định danh: 094192001971; Nơi thường trú: Khóm W, phường V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Khóm W, phường V, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Mai Thanh H, Sinh năm 1989. Số CMND: 365763747, không có số định danh. Địa chỉ: Số 48, ấp Đ, phường M, thành phố Cần Thơ. Hiện đang là học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2025 và lời trình bày của Bà Sơn Thị Mỹ N tại biên bản ghi lời khai, đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt đề cùng ngày 06/11/2025:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, bà N và ông Mai Thanh H sống chung và tự nguyện kết hôn, nhưng đến năm 2011, bà N và ông H đăng ký kết

hôn tại Ủy ban Nhân dân Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 23/7/2011. Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và có hai con chung tên Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014. Về tài sản chung: ông bà không có tạo lập tài sản chung. Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà. Thời gian về sau khoảng năm 2014, ông bà không quan tâm chăm sóc với nhau, bà N và ông H tự nguyện sống riêng.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với Ông Mai Thanh H.

Về con chung: Đối với cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014, bà N trình bày bà hiện đang ở tuổi lao động và có thu nhập mỗi tháng 06 triệu đồng nên sau khi ly hôn, bà N được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014 cho đến khi mỗi cháu đều đủ 18 tuổi. Ông Mai Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Sơn Thị Mỹ N đã nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao trích lục); Giấy khai sinh cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014 (bản sao); Căn cước công dân có tên Sơn Thị Mỹ N chứng thực bản sao.

- Bị đơn ông Mai Thanh H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2025, ông H trình bày: Ông H đồng ý ly hôn của bà Sơn Thị Mỹ N, giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, các tình tiết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đều thống nhất theo lời trình bày của bà N và ông đề nghị xét xử vắng mặt đối với ông.

- Quá trình tố tụng, Tòa án lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014 trình bày mong muốn nguyện vọng chung sống với cha và bà Nội.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Mai Thanh H thừa nhận, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Bà Sơn Thị Mỹ N đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Sơn Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Mai Thanh H và Ông Mai Thanh H cư trú tại Phường Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ, đang là học viên tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2, thành phố Cần Thơ, đặt tại phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Đối với nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ N, ông Mai Thanh H là bị đơn đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm a,b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Sơn Thị Mỹ N, ông Mai Thanh H.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Bà Sơn Thị Mỹ N cung cấp và ông Mai Thanh H không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ N và ông Mai Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 23/7/2011 nên hôn nhân ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về yêu cầu ly hôn của Bà Sơn Thị Mỹ N: Sau thời gian chung sống thì bà N, ông H phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với

ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Đối với cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014 đang chung sống với gia đình bên ông Mai Thanh H, ông H đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc, nguyện vọng hai cháu chung sống với bà Nội và Cha. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Xét về trách nhiệm nuôi con sau khi ly hôn là thuộc về cha mẹ hai cháu, không phải thuộc về bà Nội của hai cháu mặc dù hai cháu có trình bày nguyện vọng chung sống với bà Nội và Cha, đồng thời về điều kiện nuôi con thì bà Sơn Thị Mỹ N có thu nhập ổn định hơn so với ông Mai Thanh H đang phải chấp hành quyết định xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc. Nên việc ông Mai Thanh H và bà Sơn Thị Mỹ N thống nhất giao cho bà Sơn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014 cho đến khi hai cháu đều đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ phát biểu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Sơn Thị Mỹ N:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ N được ly hôn với Ông Mai Thanh H.

1.2/. Về con chung: Đối với cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014: Giao cho bà Sơn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thị Ngọc H1, nữ, sinh ngày 06/12/2010, Mai Thanh Vũ, nam, sinh ngày 18/01/2014 cho đến khi mỗi cháu đều đủ 18 tuổi. Ông Mai Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Mai Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (án phí ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003507 ngày 24/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5-Cần Thơ. Bà Sơn Thị Mỹ N đã thực hiện xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án cấp tổng đạt hợp lệ, đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND Phường Mỹ Xuyên, TPCT;
- VKSND KV5-CT;
- Phòng THA DS KV5-CT;
- TAND TPCT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như